TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **128**/2024/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 21 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị V, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn Thăm Bon, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn Thăm Bon, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bàn Thị V và anh Trần Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 08 tháng 8 năm 2017 cho chị Bàn Thị V và anh Trần Văn C không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị T L, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2015 và cháu Trần Thị T, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2017 cho anh Trần Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Bàn Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Trần Thị T L, mức cấp dưỡng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*/tháng; phương thức cấp dưỡng: Thực hiện định kỳ hàng tháng; thời gian cấp dưỡng: từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; cháu Trần Thị T, mức cấp dưỡng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*/tháng; phương thức cấp dưỡng: Thực hiện định kỳ hàng tháng; thời gian cấp dưỡng: từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị Bàn Thị V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Trần Văn C nếu chị Bàn Thị V chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng chị Vui còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bàn Thị V và anh Trần Văn C đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Miễn toàn bộ tiền án phí đối với chị Vui và anh Chính.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã M (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền